

Số: /TB-CCTS

Cà Mau, ngày tháng 6 năm 2026

## **THÔNG BÁO**

### **Kết quả quan trắc chất lượng nước phục vụ vùng nuôi tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh Cà Mau (đợt 8 năm 2026)**

Để tăng cường công tác giám sát và kiểm soát chất lượng môi trường nước trên các tuyến sông cấp nước phục vụ vùng nuôi tôm nước lợ năm 2026, Chi cục Thủy sản Cà Mau phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu môi trường và bệnh thủy sản miền Nam thực hiện lấy mẫu quan trắc môi trường nước mặt tại 23 điểm trên các tuyến sông thuộc địa bàn tỉnh Cà Mau từ ngày 07/6/2026 đến 10/6/2026 (đợt 8 năm 2026).

Các điểm quan trắc gồm: Kênh 30/4 – Phường Hiệp Thành, Kênh Xáng – phường Vĩnh Trạch, Kênh Cái Cùng – xã Vĩnh Hậu, Kênh Chùa Phật – xã Vĩnh Hậu, Kênh Gò Cát – xã Long Điền, Kênh Hộ Phòng – xã Long Điền, Kênh 9000 – xã Hồng Dân, Cửa biển Gành Hào – xã Gành Hào, Sông Bạc Liêu – phường Bạc Liêu, Kênh Trường Sơn – phường Hiệp Thành, Kênh số 3 – xã Vĩnh Hậu, Kênh Mương 7 – xã Vĩnh Hậu, Ngã 3 Vàm Đâm – xã Tân Tiến, Sông Đâm Dơi – xã Đâm Dơi, Sông Cái Đôi – xã Phú Tân, Ngã 3 Vàm Đình – xã Phú Mỹ, Cống Đá Kênh 4 – Hòa Mỹ – xã Hưng Mỹ, Lương Thế Trân – xã Lương Thế Trân và phường Lý Văn Lâm, Sông Cái Đôi Vàm – xã Cái Đôi Vàm, Sông Đường Chéo (Đường Kéo) – xã Tân Ân, Kênh Xáng Độ Cường – phường Hòa Thành và xã Trần Phán, Sông Thị Trường – xã Hưng Mỹ, Kênh Xáng Tân Hưng – xã Tân Hưng.

Các chỉ tiêu quan trắc bao gồm: nhiệt độ, pH, DO, độ mặn, độ kiềm, N-NO<sub>2</sub><sup>-</sup>, N-NH<sub>4</sub><sup>+</sup>, P-PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>, N-NO<sub>3</sub><sup>-</sup>, TSS, TP, *Chlorophyll a*, *Vibrio* tổng số, *Vibrio parahaemolyticus* tổng số và *Coliform* tổng số, EHP.

#### **1. Kết quả chất lượng nước**

*(Kèm theo phụ lục kết quả phân tích chất lượng nước phục vụ vùng nuôi tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh Cà Mau đợt 8).*

#### **2. Đánh giá chất lượng nước**

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
1	Kênh 30/4	57	Trung bình	DO, N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , <i>V.parahaemolyticus</i> = 80 CFU/mL, <i>Coliform</i> = 24000 MPN/100mL (DO có q <sub>i</sub> = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> do đó cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi. Chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
2	Kênh Xáng	43	Kém	DO, độ mặn, N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , <i>V.parahaemolyticus</i> = 10 CFU/mL, <i>Coliform</i> = 46000MPN/100mL (DO có q <sub>i</sub> = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> do đó cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi. Chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
3	Kênh Cái Cùng	34	Kém	DO, N-NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> , N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , P-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> , <i>V.parahaemolyticus</i> = 40 CFU/mL, <i>Coliform</i> = 11000MPN/100mL (DO, N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> có q <sub>i</sub> = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> do đó cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi. Chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
4	Kênh Chùa Phật	34	Kém	DO, N-NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> , N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , P-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> , <i>V.parahaemolyticus</i> = 60 CFU/mL, <i>Coliform</i> = 24000 MPN/100mL (DO, N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> có q <sub>i</sub> = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> do đó cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi. Chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
5	Kênh Gò Cát	79	Tốt	DO, N-NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> , N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , P-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> , <i>Vibrio</i> , <i>V.parahaemolyticus</i> = 10	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp. Chất lượng nước tại điểm quan trắc có dấu hiệu bất

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
				CFU/mL, <i>Coliform</i> = 24000 MPN/100mL, EHP = Dương tính (ct 35,5) trong mẫu nước	lợi do DO thấp, các thông số dinh dưỡng (N-NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> , N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , P-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) tăng, mật độ <i>Coliform</i> cao và ghi nhận sự hiện diện của <i>Vibrio parahaemolyticus</i> cùng EHP trong nguồn nước. Các cơ sở nuôi không nên lấy nước trực tiếp từ khu vực này; nước cấp cần được lắng, xử lý và diệt khuẩn trước khi đưa vào ao nuôi. Đối với các ao đang chuẩn bị cấp nước hoặc thay nước, cần tăng cường kiểm tra các chỉ tiêu môi trường và vi sinh, hạn chế cấp nước trong thời điểm chất lượng nước chưa được cải thiện nhằm giảm nguy cơ đưa tác nhân bất lợi từ nguồn nước vào hệ thống nuôi.
6	Kênh Hộ Phòng	58	Trung bình	DO, N-NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> (DO có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng do đó cần xử lý nước trước khi cấp vào ao nuôi.
7	Kênh 9000	55	Trung bình	DO, độ mặn, <i>V.parahaemolyticus</i> = 200 CFU/mL, <i>Coliform</i> = 24000 MPN/100mL (DO có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> do đó cần diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi. Chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
8	Cửa biển Gành Hào	91	Rất tốt	DO, N-NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> , <i>V.parahaemolyticus</i> = 20 CFU/mL	Sử dụng tốt cho mục đích nuôi trồng thủy sản. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> do đó cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi.

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
9	Sông Bạc Liêu	42	Kém	DO, độ mặn, N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , <i>Coliform</i> = 46000 MPN/100mL (DO có q <sub>i</sub> = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng do đó cần xử lý nước trước khi cấp vào ao nuôi. Chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
10	Kênh Trường Sơn	45	Kém	DO, N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , P-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> , <i>V.parahaemolyticus</i> = 30 CFU/mL, <i>Coliform</i> = 11000 MPN/100mL (DO có q <sub>i</sub> = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> do đó cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi. Chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
11	Kênh số 3	88	Rất tốt	DO, N-NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> , N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , <i>V.parahaemolyticus</i> = 130 CFU/mL	Sử dụng tốt cho mục đích nuôi trồng thủy sản. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> do đó cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
12	Kênh Mương 7	53	Trung bình	DO, độ kiềm, N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , P-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> , <i>Vibrio</i> , <i>V.parahaemolyticus</i> = 20 CFU/mL (DO có q <sub>i</sub> = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Cần bổ sung bột vôi cacbonat CaCO <sub>3</sub> , bột Dolomite CaMg(CO <sub>3</sub> ) <sub>2</sub> để tăng pH và độ kiềm. Các chất chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng, mật độ vibrio tăng cao đồng thời có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> do đó cần xử lý nước và diệt khuẩn trước khi cấp vào ao nuôi.
13	Ngã 3 Vàm Đầm	82	Tốt	DO, N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , P-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> , <i>V.parahaemolyticus</i> = 60 CFU/mL	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> do đó cần xử lý và diệt

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
					khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
14	Sông Đầm Dơi	51	Trung bình	DO, N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , P-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> , <i>Vibrio</i> , <i>V.parahaemolyticus</i> = 50 CFU/mL (DO có q <sub>i</sub> = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Các chất chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng, mật độ <i>vibrio</i> tăng cao đồng thời có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> do đó cần xử lý nước và diệt khuẩn trước khi cấp vào ao nuôi.
15	Sông Cái Đồi	58	Trung bình	DO, N-NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> , N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , P-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> , <i>V.parahaemolyticus</i> = 60 CFU/mL (DO có q <sub>i</sub> = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> do đó cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi. Chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
16	Ngã 3 Vàm Đình	59	Trung bình	DO, N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , <i>V.parahaemolyticus</i> = 60 CFU/mL (DO có q <sub>i</sub> = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> do đó cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi. Chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
17	Cống Đá kênh 4 - Hòa Mỹ	92	Rất tốt	DO, N-NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> , N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , <i>V.parahaemolyticus</i> = 10 CFU/mL	Sử dụng tốt cho mục đích nuôi trồng thủy sản. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> do đó cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
18	Lương Thế Trân	38	Kém	DO, N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , P-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> , <i>V.parahaemolyticus</i> = 20 CFU/mL (DO có q <sub>i</sub> = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
					dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> do đó cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
19	Sông Cái Đôi Vàm	25	Rất kém	DO, TSS, <i>Vibrio</i> , <i>V.parahaemolyticus</i> = 10 CFU/mL (TSS, <i>Vibrio</i> có q <sub>i</sub> = 1)	Không phù hợp cho nuôi trồng thủy sản, cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Chất rắn lơ lửng, mật độ <i>Vibrio</i> tổng tăng cao đồng thời có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> do đó cần lắng, xử lý nước và diệt khuẩn trước khi cấp vào ao nuôi.
20	Sông Đường Chéo (Đường Kéo)	56	Trung bình	DO, N-NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> , N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , P-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> (DO có q <sub>i</sub> = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng do đó cần xử lý nước trước khi cấp vào ao nuôi.
21	Kênh Xáng Độ Cường	42	Kém	DO, N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , P-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> , <i>Vibrio</i> , <i>V.parahaemolyticus</i> = 10 CFU/mL (DO có q <sub>i</sub> = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Các chất chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng, mật độ <i>Vibrio</i> tăng cao đồng thời có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> do đó cần xử lý nước và diệt khuẩn trước khi cấp vào ao nuôi.
22	Sông Thị Tường	59	Trung bình	DO, N-NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> , N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , P-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> (DO có q <sub>i</sub> = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng do đó cần xử lý nước trước khi cấp vào ao nuôi.
23	Kênh Xáng Tân Hưng	35	Kém	DO, N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> , P-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> (DO có q <sub>i</sub> = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
					dinh dưỡng do đó cần xử lý nước trước khi cấp vào ao nuôi.

*Ghi chú: Chỉ số AWQI được đánh giá theo Quyết định 428/QĐ-TS-NTTS của Cục Thủy sản ký ngày 06/12/2023 về việc phê duyệt Sổ tay hướng dẫn tính toán chỉ số chất lượng nước cho vùng nuôi trồng thủy sản nước ngọt, nước lợ và nước mặn.*

### 3. Khuyến cáo

Kết quả quan trắc đợt 8 cho thấy chất lượng nước tại các vùng nuôi tôm nước lợ có sự phân hóa rõ giữa các khu vực. Nhiều điểm có chất lượng nước ở mức trung bình đến kém do DO thấp, các thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng (N-NH<sub>4</sub><sup>+</sup>, N-NO<sub>2</sub><sup>-</sup>, P-PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>) tăng và xuất hiện *Vibrio parahaemolyticus* trong nguồn nước. Đặc biệt, điểm Sông Cái Đôi Vàm có chất lượng nước ở mức rất kém do TSS và mật độ *Vibrio* tổng số cao.

Bên cạnh đó, theo Bản tin dự báo thời tiết của Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia, thời tiết trên địa bàn tỉnh Cà Mau từ ngày 19 – 28/6/2026 có nhiệt độ thấp nhất từ 26 - 28°C, nhiệt độ cao nhất từ 31 – 33°C; trời có mây, mưa rào và dông. Đây là thời điểm đầu mùa mưa, các yếu tố môi trường thường biến động mạnh, làm gia tăng nguy cơ suy giảm chất lượng nước, phát sinh khí độc và dịch bệnh trên tôm nuôi. Để hạn chế thiệt hại trong sản xuất, Chi cục Thủy sản khuyến cáo người nuôi chủ động thực hiện các biện pháp quản lý và chăm sóc tôm nuôi như sau:

- Các cơ sở hạn chế lấy nước trực tiếp từ các khu vực có chất lượng nước kém và rất kém; nước cấp cần được lắng, xử lý và diệt khuẩn trước khi đưa vào ao nuôi. Đối với các khu vực ghi nhận mật độ *Vibrio* tổng số cao hoặc xuất hiện *Vibrio parahaemolyticus*, cần tăng cường kiểm soát chất lượng nước cấp trước khi sử dụng. Riêng tại điểm Kênh Gò Cát đã ghi nhận EHP dương tính trong mẫu nước, cần thận trọng khi sử dụng nguồn nước cấp, tăng cường xử lý nước và theo dõi chặt chẽ tình trạng sức khỏe tôm nuôi.

- Thường xuyên kiểm tra pH ao/vuông nuôi và duy trì pH trong khoảng 7,5 – 8,5; chênh lệch giữa sáng và chiều không quá 0,5 đơn vị.

- Tập trung gia cố bờ bao, cống để tránh sạt lở và nước tràn bờ làm thủy sản thất thoát.

- Trong những ngày có mưa cần tháo bỏ lớp nước mặt trong và sau khi mưa, đồng thời tăng cường quạt nước để tránh hiện tượng phân tầng nước. Dùng vôi nông nghiệp hoặc vôi sống tạt trên bờ trước khi mưa, sau khi mưa hòa vôi trong nước tạt

đều quanh ao/vuông nuôi (từ 10 – 20kg/1.000m<sup>2</sup> ao nuôi). Chủ động giảm hoặc ngưng cho tôm ăn trong thời gian mưa. Sau khi mưa cần bổ sung các chất tăng sức đề kháng, chế phẩm vi sinh giúp ổn định môi trường, hạn chế khí độc trong ao/vuông nuôi.

- Thường xuyên kiểm tra các yếu tố thủy lý, thủy hóa trong ao/vuông nuôi; theo dõi sức khỏe và hoạt động của tôm, đặc biệt chú ý các dấu hiệu bất thường liên quan đến bệnh hoại tử gan tụy cấp (AHPND), bệnh phân trắng và các bệnh do vi khuẩn *Vibrio* gây ra. Thực hiện quản lý thức ăn hợp lý; định kỳ vệ sinh đáy ao, loại bỏ bùn thải và chất hữu cơ tích tụ; duy trì môi trường nuôi ổn định nhằm hạn chế nguy cơ phát sinh dịch bệnh.

- Định kỳ bổ sung men tiêu hóa, vi lượng, khoáng chất, vitamin,... đặc biệt là vitamin C vào khẩu phần ăn hằng ngày để tăng sức đề kháng cho tôm nuôi.

- Ngoài ra, hộ nuôi nên thường xuyên theo dõi các thông báo, khuyến cáo của cơ quan chuyên môn và các tin tức trên báo, đài và các trang thông tin điện tử chính thống để nắm bắt thông tin và có biện pháp ứng phó kịp thời khi cần thiết.

Trên đây là thông báo kết quả quan trắc chất lượng nước và khuyến cáo của Chi cục Thủy sản nhằm hỗ trợ người nuôi chủ động thực hiện các biện pháp quản lý môi trường nuôi, phòng ngừa dịch bệnh thủy sản.

***Nơi nhận:***

- Sở Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Trung tâm Khuyến nông (p/h);
- Phòng Kinh tế các xã (p/h);
- Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị các phường (p/h);
- Ban biên tập Website Sở;
- Lưu: VT, NTTSGiang.

**CHI CỤC TRƯỞNG**

**Đỗ Chí Sĩ**

**Phụ lục**  
**KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU CHẤT LƯỢNG NƯỚC PHỤC VỤ VÙNG NUÔI TÔM NƯỚC LỢ**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU (TỪ NGÀY 07/6 – 10/6/2026)**  
*(Kèm theo Thông báo số /TB-CCTS ngày /6/2026 của Chi cục Thủy sản)*

STT	Điểm quan trắc	Xã/ phường	Nhiệt độ (°C)	pH	DO (mg/l)	Độ mặn (‰)	Độ kiềm (mg/l)	N-NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> (mg/l)	N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> (mg/l)	P-PO <sub>4</sub> <sup>-</sup> (mg/l)	N-NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> (mg/l)	TSS (mg/l)	TP (mg/l)	Chlorophyll a (µg/l)	<i>Vibrio</i> (CFU/ml)	<i>Vibrio</i> <i>parahaemolyticus</i> (CFU/ml)	<i>Coliform</i> (MPN/ 100ml)	EHP
1	Kênh 30/4	Hiệp Thành	30,0	7,0	2,0	13,0	130,0	0,051	0,858	0,054	0,098	70,0	0,263	66,9	20	80	24.000	Âm tính
2	Kênh Xáng	Vĩnh Trạch	31,0	7,5	2,0	9,0	120,0	0,006	1,632	0,078	KPH	79,3	0,401	23,7	10	10	46.000	Âm tính
3	Kênh Cái Cùng	Vĩnh Hậu	32,0	7,0	4,0	19,0	144,0	0,383	2,032	0,174	0,130	70,7	0,367	32,8	200	40	11.000	Âm tính
4	Kênh Chùa Phật	Vĩnh Hậu	31,0	7,0	2,0	16,0	147,0	0,215	2,201	0,268	0,140	94,7	0,535	86,3	1.000	60	24.000	Âm tính
5	Kênh Gò Cát	Long Điền	31,0	7,5	4,0	22,0	130,0	0,191	1,274	0,141	0,294	54,0	0,335	42,9	1.100	10	24.000	Dương tính (ct 35,5)
6	Kênh Hộ Phòng	Long Điền	30,0	7,0	2,0	21,0	107,0	0,447	0,015	0,050	0,259	48,7	0,116	9,3	<1	<1	1.500	Âm tính
7	Kênh 9000	Hồng Dân	29,0	7,5	2,0	5,0	96,0	0,021	0,252	0,014	KPH	26,0	0,127	63,7	140	200	24.000	Âm tính
8	Cửa biển Gành Hào	Gành Hào	31,0	7,0	4,0	23,0	103,0	0,356	0,015	0,049	0,208	17,3	0,110	9,6	270	20	930	Âm tính
9	Sông Bạc Liêu	Bạc Liêu	31,0	7,5	2,0	8,0	116,0	0,004	1,634	0,081	KPH	92,7	0,421	28,8	70	<1	46.000	Âm tính
10	Kênh Trường Sơn	Hiệp Thành	30,0	7,5	2,0	10,0	120,0	0,020	1,592	0,110	KPH	59,3	0,310	37,4	30	30	11.000	Âm tính
11	Kênh số 3	Vĩnh Hậu	31,0	7,0	4,0	24,0	131,0	0,152	0,738	0,051	0,348	89,3	0,238	39,2	110	130	430	Âm tính
12	Kênh Mương 7	Vĩnh Hậu	32,0	7,0	3,0	18,0	153,0	0,051	1,028	0,171	KPH	60,7	0,454	53,9	1.100	20	150	Âm tính
13	Ngã 3 Vàm Đầm	Tân Tiến	32,0	7,5	4,0	30,0	129,0	0,026	0,873	0,307	0,084	37,3	0,530	123,4	790	60	1.500	Âm tính
14	Sông Đầm Dơi	Đầm Dơi	31,0	7,0	2,0	23,0	129,0	0,027	0,810	0,308	KPH	34,0	0,549	139,9	1.500	50	4.600	Âm tính
15	Sông Cái Đồi	Phú Tân	31,0	7,5	3,0	24,0	124,0	0,226	0,592	0,115	0,158	54,0	0,240	22,6	710	60	KPH	Âm tính
16	Ngã 3 Vàm Đình	Phú Mỹ	30,0	7,0	2,0	22,0	121,0	0,089	0,389	0,088	0,110	34,7	0,187	27,1	50	60	KPH	Âm tính

STT	Điểm quan trắc	Xã/ phường	Nhiệt độ (°C)	pH	DO (mg/l)	Độ mặn (‰)	Độ kiềm (mg/l)	N-NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> (mg/l)	N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> (mg/l)	P-PO <sub>4</sub> <sup>-</sup> (mg/l)	N-NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> (mg/l)	TSS (mg/l)	TP (mg/l)	Chlorophyll a (µg/l)	<i>Vibrio</i> (CFU/ml)	<i>Vibrio</i> <i>parahaemolyticus</i> (CFU/ml)	<i>Coliform</i> (MPN/ 100ml)	EHP
17	Cổng Đá kênh 4 - Hòa Mỹ	Hung Mỹ	30,0	7,5	4,0	22,0	135,0	0,101	0,326	0,086	0,126	60,7	0,186	17,3	310	10	36	Âm tính
18	Lương Thế Trân	Xã Lương Thế Trân và phường Lý Văn Lâm	29,0	7,0	2,0	22,0	142,0	0,038	1,557	0,461	KPH	98,7	0,684	52,7	210	20	110.000	Âm tính
19	Sông Cái Đôi Vàm	Cái Đôi Vàm	31,0	7,5	4,0	27,0	120,0	0,020	0,048	0,039	0,408	1172,7	0,151	9,6	3.200	10	92	Âm tính
20	Sông Đờng Chéo (Đờng Kéo)	Tân Ân	31,0	7,5	3,0	30,0	112,0	0,231	0,685	0,185	0,093	86,7	0,325	30,3	10	<1	92	Âm tính
21	Kênh Xáng Độ Cường	Phường Hòa Thành và xã Trần Phán	29,0	7,5	2,0	23,0	133,0	0,029	0,922	0,321	KPH	33,3	0,555	121,2	2.500	10	1.500	Âm tính
22	Sông Thị Tường	Hung Mỹ	29,0	7,5	2,0	21,0	135,0	0,131	0,463	0,108	0,086	34,7	0,172	5,2	260	<1	36	Âm tính
23	Kênh Xáng Tân Hung	Tân Hưng	29,0	7,0	3,0	22,0	146,0	0,040	1,577	0,486	KPH	94,0	0,739	55,0	800	<1	110.000	Âm tính